

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HS-ST
Ngày 11-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Bà Chu Thị Bời.

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại hai điểm cầu, điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn và tại điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1981 tại tỉnh Gia Lai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố *, phường B, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Khu phố *, phường B, tỉnh Gia Lai; số CCCD: *, cấp ngày 25/4/2023, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH – Bộ Công an; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn M (đã chết) và bà Phạm Thị H (đã chết); vợ: Nguyễn Thị B, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 03/02/2026 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Châu Ngọc K, sinh năm 1974; địa chỉ: Số *, đường T, thôn L, xã H, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người chứng kiến: Anh Tô Xuân D, sinh năm 1987, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2026, Tổ công tác Phòng Nghiệp vụ – Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đoàn Biên phòng cửa khẩu T và Hải quan cửa khẩu T – Chi cục Hải quan khu vực *, Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ kiểm soát, giám sát hàng hóa tại khu vực Barie số 1 đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa mốc 1088/2-1089 thuộc thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Nguyễn H, HKTT: Khu phố *, phường B, tỉnh Gia Lai điều khiển ô tô biển kiểm soát 50H-765.85 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-011.57 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu H dừng phương tiện. Khi Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, H tự nguyện mở ngăn đựng đồ bên phải cabin, trong đó có 01 túi nilon màu đen chứa 01 khối hình hộp gồm 100 ống trụ được liên kết với nhau, vỏ hộp màu đỏ, in nhiều chữ nước ngoài. H khai nhận khối hình hộp trên là pháo hoa nổ mua từ Trung Quốc về. Ngoài ra, H khai nhận còn cất giấu pháo bên trong tét nước dưới gầm sơ mi rơ moóc. Tổ công tác kiểm tra trong tét nước, phát hiện: 05 túi nilon màu đen, bên trong mỗi túi đựng 01 khối hình hộp, mỗi khối có 100 ống trụ liên kết với nhau, kích thước 24,5cm x 24,5 cm x 15 cm, bên ngoài có giấy màu đỏ, in chữ nước ngoài; 05 túi nilon màu đen, bên trong mỗi túi đựng 02 khối hình hộp, mỗi khối có 49 ống trụ liên kết với nhau, kích thước 17 cm x 17 cm x 15 cm, bên ngoài có giấy màu tím, in chữ nước ngoài; 01 túi nilon màu đỏ được buộc kín, bên trong có 10 vật thể hình cầu, đường kính 06 cm. H khai nhận toàn bộ các khối hộp và vật hình cầu đều là pháo hoa nổ do H mua từ Trung Quốc về Việt Nam để sử dụng. Tổ công tác đã đưa Nguyễn H, cùng toàn bộ tang vật, phương tiện và người chứng kiến về trụ sở Ủy ban nhân dân xã H để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ:

- 06 (sáu) giàn pháo nổ, loại 100 lỗ/giàn, kích thước 24,5cm x 24,5cm x 15cm, bên ngoài màu đỏ, in nhiều chữ nước ngoài; 10 (mười) giàn pháo nổ, loại 49 lỗ/giàn, kích thước 17cm x 17cm x 15cm, bên ngoài màu tím, in nhiều chữ nước ngoài; 10 (mười) quả pháo nổ hình cầu, đường kính 06cm;

- 11 túi nilon màu đen, 01 túi nilon màu đỏ (Nguyễn H dùng đựng pháo);

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 50H- 765.85, số khung 1FUJBBCG54LN19755; số động cơ: 6067MV6E-06R0760109, xe cũ đã qua sử dụng;

- 01 chứng nhận kiểm định, số VA 2342281, do Công ty TNHH MTV TM B, cấp ngày 24/9/2025;

- 01 chứng nhận kiểm định, số VA 2342283 do Công ty TNHH MTV TM B, cấp ngày 24/9/2025;

- 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50175989, do Phòng CSGT Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/02/2025;

- 01 sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-011.57, số khung: LJRC15389M2011526 (kèm theo thùng container);

- 01 chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 86000128, do Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/11/2021;

- 01 giấy thông hành xuất nhập cảnh số Y 0874023, ghi tên Nguyễn H, do Phòng QLXNC Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 22/11/2025;

- 01 bằng lái xe số 520036004345, ghi tên Nguyễn H, do Sở GTVT thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 16/3/2022;

- 01 căn cước công dân số *, ghi tên Nguyễn H, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2023;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu “Redmi” màu xanh (đã qua sử dụng); kiểm tra số bằng phương pháp (*#06#): Số IMEI 1: 8608700744011063/13 bên trong có lắp 01 sim Viettel số 0974067149; IMEI 2: 860870074401071/13 bên trong có lắp 01 sim Trung Quốc (không nhớ số).

Tại biên bản xác định trọng lượng tang vật bị thu giữ ngày 03/02/2026, tổng trọng lượng 16 khối hình hộp và 06 khối hình cầu nghi là pháo nổ có tổng trọng lượng là 45 kg, đã trừ trọng lượng bao bì đóng gói.

Tại Kết luận giám định số 199/KL-KTHS ngày 04/02/2026 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ các mẫu vật gửi giám định đều là pháo, là loại pháo hoa nổ. Khi đốt gây ra tiếng nổ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn H khai nhận: H làm nghề lái xe thuê, chuyên lái xe ô tô đầu kéo vận chuyển hàng hóa từ miền nam Việt Nam sang Trung Quốc để nhận tiền công. Ngày 26/01/2026, H được ông Châu Ngọc K (sinh năm 1974; trú tại: Số * T, thôn L, xã H, tỉnh Lâm Đồng) thuê chở quả thanh long từ tỉnh Lâm Đồng đến tỉnh Lạng Sơn qua cửa khẩu T để xuất khẩu sang Trung Quốc. H đồng ý và nhận các hồ sơ, thủ tục liên quan đến hàng hóa, xe ô tô biển kiểm soát 50H-765.85 kéo theo sơ mi rơ moóc biển kiểm soát 86R-011.57 từ ông Châu Ngọc K. Khoảng 10 giờ ngày 26/01/2026, H bắt đầu xuất phát từ tỉnh Lâm Đồng, đến khoảng 19 giờ ngày 29/01/2026 thì đến bãi xe B thuộc cửa khẩu T, tỉnh Lạng Sơn. Đến chiều ngày 31/01/2026, H xuất cảnh và lái xe xuất khẩu hàng hóa sang bãi xe 500 tại Trung Quốc rồi gửi xe lại tại bãi và trở về Việt Nam để nghỉ ngơi. Khoảng 07 giờ ngày 01/02/2026, H xuất cảnh sang Trung Quốc, đến khoảng 16 giờ 00 phút theo giờ Việt Nam H vào quán cơm (không biết địa chỉ) gặp một người phụ nữ tên M, khoảng 50 tuổi đang sống tại Bằng Tường, Trung Quốc (không rõ là Quốc tịch Trung Quốc hay Việt Nam) giao tiếp bằng tiếng Việt. Do có nhu cầu mua pháo về chơi dịp Tết nên H nảy sinh ý định hỏi mua pháo thì M đồng ý. H và M thống nhất với nhau 10 giàn pháo hoa nổ loại 49 lỗ với giá 200.000 đồng/giàn pháo; 10 quả pháo nổ loại tròn với giá 70.000 đồng/quả, 06 giàn pháo hoa nổ loại 100 lỗ với giá 400.000 đồng/giàn, tổng số tiền pháo là 5.100.000 đồng và hẹn khoảng 07 giờ 30 sáng hôm sau đến cổng khu vực bãi xe 500 để nhận pháo. Sau đó, H nhập cảnh về Việt Nam và thuê phòng trọ ngủ. Khoảng 07 giờ sáng 02/02/2026, H xuất cảnh sang Trung Quốc và đi bộ đến gần khu vực cổng bãi xe 500 nhận pháo từ M gồm 06 túi nilong màu đen bên trong mỗi túi có 01 hộp pháo loại 100 lỗ; 05 túi

nilon màu đen bên trong mỗi túi 02 hộp pháo loại 49 lỗ; 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 10 quả pháo trứng. Sau đó, H đưa cho M 5.100.000 đồng rồi cầm số pháo trên đem về bãi xe 500 ở Trung Quốc rồi cất vào cabin xe 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 một giàn pháo loại 100 lỗ, số pháo còn lại để ở trong **téc** nước dưới gầm. Sau khi giao thanh long xong thì H nhập cảnh về Việt Nam để nghỉ ngơi, còn xe ô tô vẫn để ở bãi xe bên Trung Quốc. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 03/02/2026, H xuất cảnh sang Trung Quốc để điều khiển ô tô biển kiểm soát 50H - 765.85 kéo theo sơ mi rơ móc biển kiểm soát 86R-011.57 về Việt Nam, khi về đến cửa khẩu T, Việt Nam đang làm thủ tục nhập cảnh thì lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện trên xe **ô tô** có 45kg pháo hoa nổ.

Tại Công văn số 199/ĐBP-NV ngày 30/03/2026 của Đoàn Biên phòng Cửa khẩu T trao đổi về thông tin xuất nhập cảnh của Nguyễn H phù hợp với lời khai của bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKV2 ngày 14/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn H về tội Tàng trữ hàng cấm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã nêu. Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo những giấy tờ tùy thân, chiếc điện thoại di động, vì số tài sản trên không liên quan đến việc phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Ngọc K có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông K trình bày: Trước thời gian bị cáo H bị bắt có vay ông K nhiều lần tiền tổng là 107.000.000 đồng và tiền phí đi đường là 20.000.000 đồng, sau khi giao hàng xong chủ vừa thanh long có chuyển khoản cho bị cáo H 49.600.000 đồng, tổng cộng các khoản là 176.600.000 đồng. Nay ông K yêu cầu bị cáo H phải trả cho ông K là 176.600.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo về tội Tàng trữ hàng cấm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội Tàng trữ hàng cấm, đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy thông hành xuất nhập cảnh số Y 0874023, ghi tên Nguyễn H, do Phòng QLXNC Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 22/11/2025.

+ Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) giấy phép lái xe số 520036004345, ghi tên Nguyễn H, do Sở GTVT thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 16/3/2022.

- 01 (một) căn cước công dân số *, ghi tên Nguyễn H, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2023.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu "Redmi" màu xanh (đã qua sử dụng); số IMEI 1: 8608700744011063/13 bên trong có lắp 01 sim Viettel số 0974067149; IMEI 2: 860870074401071/13 bên trong có lắp 01 sim Trung Quốc (chưa xác định được số).

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Ngọc K yêu cầu: Trước thời gian bị cáo H bị bắt có vay ông K nhiều lần tiền tổng là 107.000.000 đồng và tiền phí đi đường là 20.000.000 đồng, sau khi giao hàng xong chủ vừa thanh long có chuyển khoản cho bị cáo H 49.600.000 đồng, tổng cộng các khoản là 176.600.000 đồng. Nay ông K yêu cầu bị cáo H phải trả cho ông K là 176.600.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm. Xét thấy việc yêu cầu của ông Châu Ngọc K không liên quan đến vụ án, việc vay mượn tiền nêu trên là vụ việc dân sự, nếu có yêu cầu, ông K có quyền khởi kiện bị cáo Nguyễn H về việc đòi nợ trong vụ án dân sự khác. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Ngọc K và người chứng kiến anh Tô Xuân D. Tuy nhiên ông Châu Ngọc K đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ vụ án, anh Tô Xuân D vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không ảnh hưởng đến

phiên tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 03/02/2026, tại khu vực Barie số 1 đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa mốc 1088/2-1089 thuộc thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nguyễn H có hành vi tàng trữ 45 kg pháo nổ mua từ Trung Quốc về Việt Nam mục đích để sử dụng, ngoài ra không còn mục đích gì khác. Hành vi của bị cáo Nguyễn H đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ hàng cấm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn H về tội Tàng trữ hàng cấm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, kinh doanh một số loại hàng cấm, xâm phạm đến các quan hệ xã hội, ảnh hưởng đến sự ổn định và sự phát triển nền kinh tế quốc dân, nhất là pháo nổ mà Đảng và Nhà nước ta đã cấm. Hành vi mà bị cáo gây ra cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có thể giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, chỉ là người đi lái xe thuê. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với người phụ nữ tên “M” đã bán pháo nổ cho bị cáo Nguyễn H. Với những thông tin do bị cáo cung cấp và do điều kiện về lãnh thổ nên không đủ cơ sở, căn cứ để xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch khi có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Đối với 13 hộp pháo nổ và 08 quả pháo trứng hoàn lại sau giám định, là tang vật thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn H. Ngày 12/3/2026, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và thành lập hội đồng tiêu hủy toàn bộ số pháo trên theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với 01 chiếc xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu FREIGHTLINER, BKS: 50H-765.85; 01 somi romóoc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát: 86R-011.57; 01 chứng nhận kiểm định, số VA 2342281, do Công ty TNHH MTV TM B, cấp ngày 24/9/2025; 01 chứng nhận kiểm định, số VA 2342283 do Công ty TNHH MTV TM B, cấp ngày 24/9/2025; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50175989, do Phòng CSGT Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/02/2025; 01 chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 86000128, do Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 03/11/2021. Đây là tài sản của ông Châu Ngọc K, việc Nguyễn H sử dụng để tàng trữ pháo nổ, ông **Châu Ngọc K** không biết. Ngày 24/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho ông Châu Ngọc K theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy thông hành xuất nhập cảnh số Y 0874023, ghi tên Nguyễn H, do Phòng QLXNC Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 22/11/2025 do đã hết hạn, không còn giá trị sử dụng. Trả lại cho bị cáo: 01 (một) giấy phép lái xe số 520036004345, ghi tên Nguyễn H, do Sở GTVT thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 16/3/2022. 01 (một) căn cước công dân số *, ghi tên Nguyễn H, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2023. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu "Redmi" màu xanh (đã qua sử dụng); số IMEI 1: 8608700744011063/13 bên trong có lắp 01 sim Viettel số 0974067149; IMEI 2: 860870074401071/13 bên trong có lắp 01 sim Trung Quốc (chưa xác định được số) do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án.

[11] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Ngọc K yêu cầu: Trước thời gian bị cáo H bị bắt có vay ông K nhiều lần tiền tổng là 107.000.000 đồng và tiền phí đi đường là 20.000.000 đồng, sau khi giao hàng xong chủ vừa thanh long có chuyển khoản cho bị cáo H 49.600.000 đồng, tổng cộng các khoản là 176.600.000 đồng. Nay ông K yêu cầu bị cáo H phải trả cho ông K là 176.600.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm. Xét thấy việc yêu cầu của ông Châu Ngọc K không liên quan đến vụ án, việc vay mượn tiền nêu trên là vụ việc dân sự, nếu có yêu cầu, ông K có quyền khởi kiện bị cáo Nguyễn H về việc đòi nợ trong vụ án dân sự khác. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Tại phiên tòa đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết toàn bộ vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 **Điều** 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 329; khoản 1 Điều 331; Điều 332; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm **tội** Tàng trữ hàng cấm.

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 03/02/2026.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn H 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy thông hành xuất nhập cảnh số Y 0874023, ghi tên Nguyễn H, do Phòng QLXNC Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 22/11/2025

2.2. Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) giấy phép lái xe số 520036004345, ghi tên Nguyễn H, do Sở GTVT thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 16/3/2022.

- 01 (một) căn cước công dân số *, ghi tên Nguyễn H, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2023.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu "Redmi" màu xanh (đã qua sử dụng); số IMEI 1: 8608700744011063/13 bên trong có lắp 01 sim Viettel số 0974067149; IMEI 2: 860870074401071/13 bên trong có lắp 01 sim Trung Quốc (chưa xác định được số).

(Vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn (PC03) và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lạng Sơn).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiễn